



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN & KIỂM TOÁN ANH

Kế toán, Kiểm toán, Tư vấn thuế, Tư vấn đầu tư và Hải quan



BẢN TIN

**KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, THUẾ
& TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**

Được phát hành 31/08/2019

Văn phòng Hải Phòng

Số 34A Phố Máy Tơ, Phường Máy tơ,
Quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng
Tel: 0225 736 866/ 3222198 - Fax: 0225 736 869
Email: acacvn@acacvn.com
<http://acacvn.com>

Văn Phòng Hà Nội

Tầng 3 tòa nhà Sacombank, đường Lê Đức Thọ,
P. Mỹ Đình, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.
Tel: 024 3556 8636 - Fax: 024 3556 8635
Email: acacvn@acacvn.com
<http://acacvn.com>



BẢN TIN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VÀ THUẾ

Phát hành định kỳ: 2 kỳ/tháng

(Kỳ 31/08/2019)

Nội dung	Trang
THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (“GTGT”)	2-4
THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”)	5-6
THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN)	7-8
CÁC LOẠI THUẾ KHÁC	9-10
CÁC VẤN ĐỀ KHÁC	11-15
CÁC VĂN BẢN KHÁC	16





THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)

Chính sách thuế GTGT đối với dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp nước ngoài

Theo Công văn số 58604/CT-TTHT ngày 25/7/2019 của Cục thuế TP. Hà Nội, trường hợp Công ty A cung cấp dịch vụ giao nhận, vận chuyển trọn gói cho doanh nghiệp nước ngoài theo chiều từ cảng nước ngoài về địa điểm giao nhận tại Việt Nam và theo chiều từ kho của doanh nghiệp Việt Nam đến cảng nước ngoài, bao gồm các công đoạn vận tải trong nước và quốc tế, bốc xếp nội địa, dịch vụ hải quan, nâng hạ, bốc xếp tại cảng, các chi phí liên quan như phí chứng từ, điện giao hàng, phí niêm chì, phí lưu cont, thì Cục Thuế TP. Hà Nội hướng dẫn về nguyên tắc như sau:

CÁC LOẠI THUẾ SUẤT XUẤT NHẬP KHẨU

(Cách phân biệt, áp dụng,...)



(i) Các dịch vụ giao nhận, kiểm đếm, nâng hạ, bốc xếp thực hiện tại khu vực cảng theo quy định về dịch vụ hàng hải cung cấp cho doanh nghiệp nước ngoài, đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 9 Thông tư số 219/TT-BTC thì thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% .

(ii) Với các khoản chi liên quan như phí chứng từ, điện giao hàng, phí niêm chì, phí lưu cont nếu là khoản Công ty thu hộ, trả hộ các hãng tàu cho các đối tác nước ngoài thì Công ty không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT. Trường hợp đây là khoản doanh thu do Công ty cung cấp các dịch vụ như phát hành chứng từ, làm điện giao hàng, niêm chì, cho lưu cont, lưu bãi... nếu đáp ứng các điều kiện hướng dẫn tại Điều 9, Điều 16 Thông tư số 219/TT-BTC và không thuộc đối tượng quy định tại Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC thì chịu thuế suất thuế GTGT 0% và đủ điều kiện được khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Trường hợp nếu không đáp ứng các quy định trên thì chịu thuế GTGT với thuế suất 10%.

Thuế GTGT đối với hàng hóa là khoáng sản

Theo Công văn số 58794/CT-TTHT ngày 26/7/2019 của Cục thuế TP. Hà Nội, trường hợp Tổng Công ty A có mua sản phẩm bột Barit của Công ty B (theo đúng quy định pháp luật) để xuất khẩu (toàn bộ số bột Barit trên Công ty B đã mua của đơn vị sản xuất) nếu sản phẩm bột Barit xuất khẩu nêu trên được xác định là hàng hóa được chế biến trực tiếp từ nguyên liệu chính là tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm dưới 51% thì sản phẩm bột Barit xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0%



nếu đáp ứng điều kiện, hồ sơ thủ tục quy định tại Điều 9, Điều 16 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính. Việc cung cấp thông tin xác định tỷ lệ % giá trị tài nguyên, khoáng sản trên giá thành sản xuất sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất sản phẩm từ tài nguyên, khoáng sản xác định và cung cấp, phối hợp với cơ quan thuế quản lý doanh nghiệp sản xuất để xác định tính chính xác của việc kê khai tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành của đơn vị sản xuất bán ra.

Xử lý hóa đơn GTGT đối với việc hủy hợp đồng

Theo Công văn số 62332/CT-TTHT ngày 6/8/2019 của Cục thuế TP. Hà Nội, trường hợp Công ty A đã xuất hóa đơn cho người mua và đã thực hiện kê khai thuế GTGT theo quy định. Sau đó, bên mua vi phạm nội dung hợp đồng đã thỏa thuận, hai bên quyết định hủy hợp đồng đã ký thì việc xử lý hóa đơn GTGT đã lập trong trường hợp này được thực hiện như trường hợp hàng bán bị trả lại theo hướng dẫn tại Thông tư số 39/2014/TT-BTC.



Trường hợp hủy hóa đơn



Công ty căn cứ thỏa thuận hủy hóa đơn đã ký giữa các bên và các hồ sơ xử lý hóa đơn trong trường hợp hàng bán bị trả lại theo hướng dẫn nêu trên để kê khai điều chỉnh doanh số bán, thuế GTGT đầu ra và lập hồ sơ khai bổ sung điều chỉnh thuế GTGT, thuế TNDN theo hướng dẫn tại các văn bản pháp luật về luật quản lý thuế hiện hành.

Thuế GTGT đối với hàng nhập khẩu xuất trả lại chủ hàng nước ngoài

Theo Công văn số 3295/TCT-CS ngày 19/8/2019 của TCT, trường hợp người nộp thuế đã nộp tiền thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa đã nhập khẩu nhưng tái xuất trả lại chủ hàng nước ngoài thì thực hiện như sau: Người nộp thuế có số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã nộp lớn hơn số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp (bao gồm cả thuế giá trị gia tăng đã nộp đối với hàng hóa đã nhập khẩu nhưng tái xuất trả lại chủ hàng nước ngoài hoặc tái xuất sang nước thứ ba hoặc tái xuất vào khu phi thuế quan; hàng hóa đã xuất khẩu nhưng nhập khẩu trở lại Việt Nam; hàng hóa nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu đã nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định, sau đó đã thực tế xuất khẩu sản phẩm) đối với từng loại thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày nộp tiền vào ngân sách nhà nước thì được bù trừ số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa với số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn nợ, kể cả việc bù trừ giữa các loại thuế với nhau; hoặc trừ vào số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp của lần nộp thuế tiếp theo; hoặc hoàn trả số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa khi người nộp thuế không còn nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt; trừ trường hợp không được miễn xử phạt do đã thực hiện quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế của cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Luật Quản lý thuế.





THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)

Hướng dẫn xác định chi phí lãi vay theo khoản 3 Điều 8 Nghị định 20/2017/NĐ-CP

Theo Công văn số 3002/TCT-DNL ngày 01/8/2019 của TCT, trường hợp xác định chi phí lãi vay được trừ để xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo quy định tại Nghị định số 20/2017/NĐ-CP trong năm tài chính 2017: (i) Áp dụng quy định đối với chi phí lãi vay phát sinh từ ngày 01/5/2017 trở đi đến hết năm tài chính, không phân biệt hợp đồng vay được ký kết trước hay sau ngày 01/5/2017; (ii) Trường hợp NNT hạch toán theo dõi riêng được kết quả kinh doanh từ 01/5/2017 đến hết năm tài chính thì các chỉ tiêu để tính “Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ” được xác định theo số liệu phát sinh thực tế; (iii) Trường hợp NNT không hạch toán theo dõi riêng được kết quả kinh doanh từ ngày 01/5/2017 đến hết năm tài chính thì các chỉ tiêu để tính “Tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng chi phí lãi vay, chi phí khấu hao trong kỳ” được phân bổ tương ứng với số tháng còn lại của năm tài chính kể từ ngày 01/5/2017.



Những kiến nghị của các doanh nghiệp liên quan đến quy định giới hạn chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 20/2017/NĐ-CP đã được Tổng cục Thuế nghiên cứu tổng hợp để tham mưu với Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét chỉ đạo. Đồng thời, Tổng cục Thuế tiếp tục nghiên cứu các kiến nghị, đề xuất của Quý Công ty để trình Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 20/2017/NĐ-CP cùng với các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020.

Chính sách thuế TNDN

Theo Công văn số 3042/TCT-CS ngày 02/8/2019 của TCT, về nguyên tắc doanh nghiệp có dự án đầu tư được hưởng ưu đãi thuế TNDN do đáp ứng điều kiện ưu đãi về địa bàn thì thu nhập được hưởng ưu đãi là toàn bộ thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh của dự án đầu tư trên địa bàn ưu đãi trừ các khoản thu nhập không được hưởng ưu đãi theo quy định của Luật thuế TNDN (như chuyển nhượng dự án, chuyển nhượng bất động sản, khai thác khoáng sản, sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt).

Trường hợp doanh nghiệp đang hoạt động và được hưởng ưu đãi thuế TNDN có bổ sung ngành nghề kinh doanh thương mại mà doanh nghiệp không tăng vốn, không thực hiện đầu tư mở rộng để tăng tài sản thì thu nhập từ hoạt động thương mại được bổ sung không được hưởng ưu đãi thuế TNDN.



2019 hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, đầu tư tài chính và nợ khó đòi

Theo **Thông tư số 48/2019/TT-BTC** ngày 08/08/2019 của BTC hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, đầu tư tài chính và nợ khó đòi.

Phạm vi và đối tượng hướng dẫn: trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư, dự phòng tổn thất nợ phải thu khó đòi và dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng làm cơ sở xác định khoản chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định.

Việc trích lập các khoản dự phòng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính của các tổ chức kinh tế thực hiện theo pháp luật về kế toán.

Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng là các tổ chức kinh tế (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) được thành lập, hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập hợp pháp tại Việt Nam thực hiện trích lập và xử lý các khoản dự phòng theo quy định tại Thông tư này. Riêng đối với dự phòng rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện trích lập và sử dụng theo quy định do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành sau khi thống nhất với Bộ Tài chính.

Thời điểm trích lập và hoàn nhập các khoản dự phòng là thời điểm lập báo cáo tài chính năm.





THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN)

Tiếp tục công tác ủy nhiệm thu đối với cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán

Theo Công văn số 2872/TCT-DNNCN ngày 22/7/2019 của TCT, tính đến thời điểm hiện tại đã có 29 Cục Thuế các tỉnh, thành phố tham gia thí điểm UNTT đối với CNKD nộp thuế khoán trong đó có 26 Cục Thuế các tỉnh, thành phố đã triển khai đến tất cả các Chi cục Thuế). Qua thời gian triển khai thí điểm tại các địa phương trên đã đạt một số kết quả nhất định và đảm bảo mục tiêu, yêu cầu của Chính phủ là cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ thuế (đa dạng hóa hình thức nộp thuế, giảm thời gian nộp thuế), phù hợp với việc kinh doanh của cá nhân (hình thức kinh doanh đa dạng, thời gian kinh doanh khác nhau, kinh doanh theo thời vụ, địa điểm kinh doanh dễ thay đổi ...); hiện đại hóa công tác quản lý thu thuế, thu thuế kịp thời vào ngân sách nhà nước, cán bộ thuế tập trung vào việc hướng dẫn thực hiện chính sách thuế, hướng dẫn khai thuế, kiểm tra xác minh doanh thu thực tế làm cơ sở xác định mức thuế khoán phù hợp, tránh các rủi ro, tiêu cực tiềm ẩn ...



Hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân

Theo Công văn số 2875/TCT-DNNCN ngày 22/7/2019 của TCT, trường hợp khách hàng là cá nhân đạt doanh số được thưởng một chuyến du lịch (không phải bằng tiền) theo chương trình khuyến mại được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 của Chính phủ thì được xác định là thu nhập từ quà tặng không thuộc diện phải đăng ký quyền sở hữu nên không chịu thuế TNCN.



Hướng dẫn tờ khai thuế thu nhập cá nhân khi cá nhân không cư trú chuyển nhượng cổ phần cho cá nhân không cư trú

Theo Công văn số 2969/TCT-DNNCN ngày 31/7/2019 của TCT, trường hợp cổ đông là cá nhân không cư trú chuyển nhượng cổ phần của công ty A cho cổ đông khác cũng là cá nhân không cư trú là hoạt động có phát sinh thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán và cá nhân trực tiếp khai thuế thu nhập cá nhân theo tờ khai mẫu số 04/CNV-TNCN ban hành tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính.

Trường hợp công ty A thực hiện khai thay hồ sơ khai thuế thu nhập cá nhân và nộp thuế thay cho cá nhân thì trên tờ khai ghi cụm từ “Khai thay” vào phần trước cụm từ người nộp thuế hoặc Đại diện hợp pháp của người nộp thuế” đồng thời ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu của công ty. Do nghĩa vụ thuế là của cá nhân chuyển nhượng chứng khoán nên tờ khai thuế thu nhập cá nhân cần thể hiện đầy đủ thông tin mã số thuế của cá nhân chuyển nhượng chứng khoán theo quy định tại Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính.

Thu nhập từ tiền khách thưởng cho nhân viên

Theo Công văn số 3294/TCT-DNNCN ngày 19/8/2019 của TCT, trường hợp các khoản thưởng bằng tiền hoặc không bằng tiền dưới mọi hình thức, kể cả thưởng bằng chứng khoán thì đều là thu nhập từ tiền lương, tiền công chịu thuế thu nhập cá nhân.

Hoàn thuế TNCN cho người tham gia bán hàng đa cấp

Theo Công văn số 2970/TCT-DNNCN ngày 31/7/2019 của TCT, trường hợp cá nhân kinh doanh có doanh thu từ 100 triệu/năm trở xuống thì không phải nộp thuế TNCN. Doanh thu để xác định mức 100 triệu/năm thuộc diện không phải nộp thuế là tổng doanh thu từ tất cả các nguồn trong năm.

Do đó trường hợp bà A để được xác định là đối tượng không phải nộp thuế thì bà phải có trách nhiệm kê khai toàn bộ doanh thu kinh doanh từ các nguồn trong năm, nếu tổng doanh thu trong năm từ 100 triệu đồng trở xuống thì được xác định không phải nộp thuế TNCN. Trường hợp Bà A kê khai không đúng theo thực tế thì cá nhân sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật thuế.

Cơ quan thuế căn cứ hồ sơ của cá nhân, tham khảo cơ sở dữ liệu tại hệ thống quản lý thuế tập trung (TMS) của ngành thuế để xác định các khoản doanh thu từ kinh doanh nếu có như: cho thuê tài sản, hộ kinh doanh, kinh doanh đại lý xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp từ các tổ chức chi trả khác,... Trên cơ sở đó xác định đối tượng không phải nộp thuế và xử lý hồ sơ hoàn nộp thừa (nếu phát sinh) theo quy định.

Chính sách thuế thu nhập cá nhân đối với hoạt động chuyển nhượng cổ phần của cá nhân trong công ty Cổ phần

Theo Công văn số 3082/TCT-DNNCN ngày 06/8/2019 của TCT, Công ty A không giao dịch trên Sở Giao dịch chứng khoán do vậy, giá chuyển nhượng cổ phần của công ty được căn cứ vào giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc giá thực tế chuyển nhượng hoặc giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán chuyển nhượng tại thời điểm lập báo cáo tài chính gần nhất theo quy định của pháp luật về kế toán trước thời điểm chuyển nhượng.

Trong trường hợp Cơ quan thuế có căn cứ xác định giá chuyển nhượng khai thuế thu nhập cá nhân chưa phù hợp và có dấu hiệu vi phạm pháp luật thuế có thể ấn định thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế.



CÁC LOẠI THUẾ KHÁC

Thuế bảo vệ môi trường đối với dầu tái sinh

Theo Công văn số 3096/TCT-CS ngày 06/8/2019 của TCT, đối tượng chịu thuế thực hiện theo quy định tại Điều 3 của Luật thuế bảo vệ môi trường. (i) Đối với xăng, dầu, mỡ nhờn quy định tại Điều 3 của Luật Thuế bảo vệ môi trường là các loại xăng, dầu, mỡ nhờn gốc hóa thạch. Đối với nhiên liệu hỗn hợp chứa nhiên liệu sinh học và xăng, dầu, mỡ nhờn gốc hóa thạch, chỉ tính thu thuế bảo vệ môi trường đối với phần xăng, dầu, mỡ nhờn gốc hóa thạch.

Tại Điểm 10 Nghị quyết số 23/NQ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ thống nhất như sau: Than cốc, dầu tái sinh không thuộc đối tượng chịu thuế bảo vệ môi trường theo Luật thuế bảo vệ môi trường, số tiền thuế bảo vệ môi trường đã nộp đối với than cốc, dầu tái sinh (nếu có) kể từ thời điểm Luật thuế bảo vệ môi trường có hiệu lực thi hành được xác định là số tiền thuế nộp thừa và thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý thuế theo đề nghị của Bộ Tài chính.

Chính sách thuế nhà thầu đối với lĩnh vực hàng không

Theo Công văn số 3125/TCT-CS ngày 08/8/2019 của TCT, trường hợp Công ty là đại lý bán vé máy bay của Hãng hàng không B (không có Văn phòng đại diện tại Việt Nam) thì Công ty có trách nhiệm khấu trừ số thuế nhà thầu (thuế TNDN) tính trên doanh thu tính thuế nhà thầu của Hãng hàng không nước ngoài là toàn bộ doanh thu bán vé hành khách, vận đơn hàng không và các khoản thu khác (trừ những khoản thu hộ Nhà nước hoặc tổ chức theo quy định của pháp luật) tại Việt Nam, bao gồm cả chặng từ Việt Nam ra nước ngoài, từ nước ngoài đến Việt Nam và theo chặng cả đi và đến ở nước ngoài.



Trường hợp Công ty thuê chuyến bay của Hãng hàng không B không có Văn phòng đại diện tại Việt Nam) thì Công ty có trách nhiệm khấu trừ số thuế nhà thầu (thuế TNDN) tính trên doanh thu tính thuế nhà thầu là toàn bộ doanh thu mà Hãng hàng không B nhận được đối với hợp đồng thuê chuyến.



Công bố thủ tục hành chính (TTHC) mới, TTHC được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính

Theo **Quyết định 1325/QĐ-BTC** ngày 05/08/2019 của BTC ban hành 08 TTHC mới được quy định tại Thông tư 22/2019/TT-BTC ngày 16/4/2019, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tổng cục Hải quan bao gồm:

Thủ tục cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan đối với công chức hải quan đã chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc;

Thủ tục tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan (TTHQ);

Thủ tục chấm dứt hoạt động đại lý làm TTHQ;

Thủ tục tiếp tục hoạt động đại lý làm TTHQ;

Thủ tục cấp mã số nhân viên đại lý làm TTHQ;

Thủ tục gia hạn mã số nhân viên đại lý làm TTHQ;

Thủ tục cấp lại mã số nhân viên đại lý làm TTHQ;

Thủ tục thu hồi mã số nhân viên đại lý làm TTHQ.

Ngoài ra, sửa đổi, bổ sung 02 TTHC sau: Thủ tục công nhận hoạt động đại lý làm TTHQ; Thủ tục thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan.

Kê khai lệ phí môn bài đối với địa điểm kinh doanh khác tỉnh với trụ sở chính của đơn vị chủ quản

Theo **Công văn số 3302/TCT-KK** ngày 20/8/2019 của TCT, trường hợp địa điểm kinh doanh khác tỉnh với trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc chi nhánh (đơn vị chủ quản của địa điểm kinh doanh) thì Cục Thuế thực hiện cấp mã số thuế 13 số cho địa điểm kinh doanh theo quy định. Sau khi địa điểm kinh doanh được cấp mã số thuế 13 số, đơn vị chủ quản của địa điểm kinh doanh sử dụng mã số thuế 13 số này để kê khai, nộp lệ phí môn bài theo hướng dẫn tại Thông tư số 302/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.





CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

Thời điểm bắt buộc áp dụng hóa đơn điện tử

Theo Công văn số 3007/TCT-CS ngày 01/8/2019 của TCT, cơ sở kinh doanh và cơ quan thuế có thời hạn 24 tháng từ ngày 11/1/2018 đến ngày 11/1/2020) để chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất và con người để áp dụng hóa đơn điện tử theo quy định tại Nghị định số 119/2018/NĐ-CP. Trong thời gian từ 1/1/2018 đến ngày 31/10/2020, các Nghị định 51/2010/NĐ-CP và Nghị định 04/2014/NĐ-CP của Chính phủ vẫn còn hiệu lực thi hành.

Vừa qua, Quốc Hội đã thông qua Luật Quản lý thuế số 38/QH14/2019, tại Chương X Luật Quản lý thuế cũng có quy định về việc áp dụng hóa đơn, chứng từ điện tử. Tại Điều 151 Luật Quản lý thuế quy định hóa đơn, chứng từ điện tử của Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2022; khuyến khích cơ quan tổ chức, cá nhân áp dụng quy định về hóa đơn, chứng từ điện tử của Luật này trước ngày 01 tháng 7 năm 2022.

Để triển khai thực hiện Luật Quản lý thuế, Bộ Tài chính sẽ trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế số 38/QH14/2019.

Bỏ quy định về trách nhiệm gửi báo cáo duy trì điều kiện hành nghề của kế toán viên hành nghề

Theo Thông tư số 44/2019/TT-BTC ngày 19/07/2019 của BTC, bãi bỏ Khoản 1 Điều 15 Thông tư 296/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 hướng dẫn về cấp, thu hồi và quản lý Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán với nội dung sau: Chậm nhất là ngày 31/8 hàng năm, kế toán viên hành nghề phải gửi Báo cáo duy trì điều kiện hành nghề dịch vụ kế toán hàng năm cho BTC thông qua doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán, hộ kinh doanh dịch vụ kế toán.

Đồng thời, sửa đổi quy định về báo cáo cập nhật kiến thức kế toán viên tại Thông tư 292/2016/TT-BTC theo hướng chi tiết hơn về nội dung của báo cáo, cách thức thực hiện việc gửi báo cáo, mẫu đề cương

Thông tư số 44/2019/TT-BTC có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2020.

**THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH**





Quy định mới xử lý vi phạm về BHXH

Hội đồng Thẩm phán của TAND tối cao ban hành NGHỊ QUYẾT số **05/2019/NQ-HĐTP** ngày 15/8/2019 hướng dẫn áp dụng các Điều 214, 215 và 216 của Bộ Luật hình sự về các vi phạm gian lận về BHXH, BHYT và BHTN.

Các hành vi vi phạm thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp, người sử dụng lao động có thể mắc phải được diễn giải tại Nghị quyết như sau:

- Trốn đóng bảo hiểm quy định tại Điều 216 của Bộ luật Hình sự là hành vi của người sử dụng lao động có nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động mà gian dối hoặc bằng thủ đoạn khác để không đóng hoặc không đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHYT, BHTN.
- Gian dối để không đóng, không đóng đầy đủ tiền BHXH, BHYT, BHTN quy định tại khoản 1 Điều 216 của Bộ luật Hình sự là trường hợp cố ý không kê khai hoặc kê khai không đúng thực tế việc đóng BHXH, BHYT, BHTN với cơ quan có thẩm quyền.
- Không đóng tiền BHXH, BHYT, BHTN quy định tại khoản 1 Điều 216 của Bộ luật Hình sự là trường hợp người sử dụng lao động không gửi hồ sơ đăng ký đóng BHXH, BHYT, BHTN đối với người lao động hoặc có gửi hồ sơ và đã xác định rõ, đầy đủ số người phải đóng hoặc các khoản phải đóng, lập chứng từ, hồ sơ quyết toán lương cho người lao động, thu nhập doanh nghiệp, nhưng không đóng tiền BHXH, BHYT, BHTN cho cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định.



- Không đóng đầy đủ quy định tại khoản 1 Điều 216 của Bộ luật Hình sự là việc người sử dụng lao động đã xác định rõ, đầy đủ các khoản đóng bảo hiểm, lập chứng từ, hồ sơ quyết toán lương cho người lao động, thu nhập doanh nghiệp nhưng chỉ đóng một phần tiền BHXH, BHYT, BHTN cho cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định.

Điều 216 của Bộ luật hình sự 2015 quy định như sau:

“Điều 216. Tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động



1. Người nào có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động mà gian dối hoặc bằng thủ đoạn khác để không đóng hoặc không đóng đầy đủ theo quy định từ 06 tháng trở lên thuộc một trong những trường hợp sau đây, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 01 năm hoặc phạt tù từ 03 tháng đến 01 năm:

a) Trốn đóng bảo hiểm từ 50.000.000 đồng đến dưới 300.000.000 đồng;

b) Trốn đóng bảo hiểm cho từ 10 người đến dưới 50 người lao động.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng năm đến 03 năm:

a) Phạm tội 02 lần trở lên;

b) Trốn đóng bảo hiểm từ 300.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng;

c) Trốn đóng bảo hiểm cho từ 50 người đến dưới 200 người;

d) Không đóng số tiền bảo hiểm đã thu hoặc đã khấu trừ của người lao động quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản 1 Điều này.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng hoặc bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) Trốn đóng bảo hiểm 1.000.000.000 đồng trở lên;

b) Trốn đóng bảo hiểm cho 200 người trở lên;

c) Không đóng số tiền bảo hiểm đã thu hoặc đã khấu trừ của người lao động quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 2 Điều này.

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

5. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:

a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng;

b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng;

c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng.”

Mức thu lệ phí đăng ký doanh nghiệp từ ngày 20/9/2019

Theo **Thông tư số 47/2019/TT-BTC** ngày 5/8/2019 của BTC quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp. Theo đó, mức thu lệ phí đăng ký doanh nghiệp cụ thể như sau: (i) Mức thu lệ phí cấp mới, cấp lại, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 50.000 đồng/lần (hiện hành là 100.000 đồng/lần); (ii) Mức thu lệ phí cấp mới, cấp lại, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận



đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp là 50.000 đồng/lần (giữ nguyên như hiện hành);

Trường hợp doanh nghiệp thực hiện đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử sẽ được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp.

Các mức thu phí cung cấp thông tin doanh nghiệp vẫn được giữ nguyên như quy định hiện hành, trừ phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp giảm còn 100.000 đồng/lần (giảm 200.000 đồng so với hiện hành).

Thông tư số 47/2019/TT-BTC có hiệu lực thi hành từ ngày 20/9/2019.



Một số nội dung mới của Luật Quản lý thuế 2019:

Luật Quản lý thuế 2019 bổ sung và quy định cụ thể một số nguyên tắc áp dụng trong quản lý thuế như:

1. Nguyên tắc giao dịch độc lập: Khoản 24, Điều 3 Luật số 38/2019/QH14 quy định: “Nguyên tắc giao dịch độc lập là nguyên tắc được áp dụng trong kê khai, xác định giá tính thuế đối với người nộp thuế có phát sinh giao dịch liên kết nhằm phản ánh điều kiện giao dịch trong giao dịch liên kết tương đương với điều kiện trong giao dịch độc lập.”

Nguyên tắc giao dịch độc lập (nguyên tắc giá thị trường) được thể hiện cụ thể tại các Điều của Luật Quản lý thuế về khai thuế, ấn định thuế, thanh tra thuế ...

2. Nguyên tắc bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế (nguyên tắc bản chất quyết định hình thức): Khoản 25, Điều 3 Luật số 38/2019/QH14 quy định: “Nguyên tắc bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế là nguyên tắc được áp dụng trong quản lý thuế nhằm phân tích các giao dịch, hoạt động sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế để xác định nghĩa vụ thuế tương ứng với giá trị tạo ra từ bản chất giao dịch, hoạt động sản xuất, kinh doanh đó.”

Nguyên tắc bản chất quyết định hình thức đã được quy định tại Nghị định số 20/NĐ-CP ngày 24/02/2017 quy định về quản lý đối với các doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Khoản 8, Điều 4



NĐ 20/2017/NĐ-CP như sau: “Nguyên tắc Bản chất quyết định hình thức là nguyên tắc nhằm phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của người nộp thuế để xác định bản chất của giao dịch liên kết làm cơ sở đối chiếu với các giao dịch độc lập tương đương, đảm bảo các giao dịch liên kết thể hiện đúng bản chất thương mại, kinh tế, tài chính được tiến hành giữa các bên không có quan hệ liên kết, không để các quan hệ liên kết này chi phối làm sai lệch nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước của người nộp thuế. Nguyên tắc này căn cứ dữ liệu, thực tế thực hiện giao dịch giữa các bên liên kết để so sánh với giao dịch độc lập trong điều kiện tương đồng, không phụ thuộc hình thức của giao dịch được thể hiện trong hợp đồng, văn bản giữa các bên có quan hệ liên kết. Việc xác định bản chất quan hệ kinh tế, tài chính, thương mại của giao dịch liên kết được thực hiện dựa trên so sánh, đối chiếu với các giao dịch độc lập có điều kiện tương đồng.”



3. Nguyên tắc quản lý theo rủi ro: Khoản 15, Điều 3 Luật QLT số 38 quy định: “Quản lý rủi ro trong quản lý thuế là việc áp dụng có hệ thống quy định của pháp luật, các quy trình nghiệp vụ để xác định, đánh giá và phân loại các rủi ro có thể tác động tiêu cực đến hiệu quả, hiệu lực quản lý thuế làm cơ sở để cơ quan quản lý thuế phân bổ nguồn lực hợp lý và áp dụng các biện pháp quản lý hiệu quả.”

Áp dụng cơ chế quản lý rủi ro trong quản lý thuế gồm nghiệp vụ thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu liên quan đến người nộp thuế; xây dựng tiêu chí quản lý thuế; đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người nộp thuế; phân loại mức độ rủi ro trong quản lý thuế và tổ chức thực hiện các biện pháp quản lý thuế phù hợp.

Luật QLT mới có một điều cụ thể về quản lý rủi ro trong quản lý thuế (Điều 9). Tuy nhiên, nguyên tắc quản lý rủi ro được áp dụng thống nhất trong tất cả các khâu của quản lý thuế, bao gồm: (i) Đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, ấn định thuế; (ii) Thủ tục hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế; (iii) Không thu thuế; Khoanh nợ tiền thuế, tiền chậm nộp; Xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt; miễn tiền chậm nộp; không tính tiền chậm nộp; gia hạn nộp thuế; nộp dần tiền thuế nợ; (iv) Quản lý thông tin về người nộp thuế; (v) Quản lý hoá đơn, chứng từ; (vi) Kiểm tra thuế, thanh tra thuế, biện pháp phòng chống ngăn chặn vi phạm pháp luật về thuế, trốn thuế; (vii) Cường chế thi hành quyết định hành chính thuế; (viii) Xử lý vi phạm pháp luật về thuế; (ix) Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế; (x) Hợp tác quốc tế về quản lý thuế.



CÁC VĂN BẢN KHÁC

- **Công văn số 4897/TCHQ-TXNK** ngày 31/7/2019 của TCHQ về việc chính sách thuế đối với sản phẩm XK được sản xuất từ toàn bộ nguyên liệu NK.
- **Công văn số 63378/CT-TTHT** ngày 9/8/2019 của Cục thuế TP.HN về việc sử dụng hóa đơn điện tử.
- **Công văn số 2966/TCT-KK** ngày 31/7/2019 của TCT về việc thuế GTGT vãng lai ngoại tỉnh.
- **Công văn số 3084/TCT-CS** ngày 6/8/2019 của TCT về việc hóa đơn điện tử.
- **Công văn số 3165/TCT-CS** ngày 8/8/2019 của TCT về việc hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư.
- **Công văn số 3236/TCT-DNL** ngày 14/8/2019 của TCT về việc khai nộp thuế TNCN khi xử lý tài sản bảo đảm.

Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Anh ("ACAC") với 15 năm kinh nghiệm, thành lập và hoạt động từ ngày 21/12/2004, ACAC là một trong những công ty cung cấp các dịch vụ kế toán, kiểm toán, tài chính, thuế và quản trị doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn quốc tế. ACAC đã cung cấp nhiều dịch vụ cho các khách hàng đa quốc gia, các công ty tập đoàn lớn tại Việt Nam với chất lượng cao và đã thực sự chiếm được sự tin nhiệm của các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. ACAC cam kết các trách nhiệm vô hạn với tất cả các dịch vụ đang cung cấp.

Văn phòng Hải Phòng

Số 34A phố Máy Tơ, P. Máy Tơ,
Q. Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Tel: 0225 3736 866/ 3222 198
Fax: 0225 3736 869
Email: acacvn@acacvn.com
<http://acacvn.com>

Văn phòng Hà Nội

Tầng 3 tòa nhà Sacombank, đường Lê Đức Thọ,
P. Mỹ Đình, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
Tel: 024 3556 8636
Fax: 024 3556 8635
Email: acacvn@acacvn.com
<http://acacvn.com>

Tài liệu này được chuyên gia của chúng tôi cập nhật, tóm tắt lại từ các văn bản pháp quy mà các cơ quan chức năng Nhà nước mới ban hành. Tài liệu cung cấp tới Quý khách hàng nhằm tham khảo, chúng tôi không cam kết về nội dung và không chịu trách nhiệm về kết quả của việc sử dụng tài liệu. Do đó, Quý khách hàng sử dụng thông tin nên tham khảo ý kiến chuyên gia.